

Số: 196 /KH-UBND

Hung Yên, ngày 05 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030. Đến năm 2030, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (ĐMST) phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng, góp phần thực hiện đạt và vượt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ; chú trọng hỗ trợ triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ và ĐMST; tích cực, chủ động tiếp cận, vận dụng thành công những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế và đời sống xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Nâng cao đóng góp của khoa học, công nghệ và ĐMST vào tăng trưởng kinh tế thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, tổ chức thực hiện trong doanh nghiệp. Đến năm 2030, đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP của tỉnh ở mức trên 50%.

b) Tăng đầu tư, đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST, phân đầu đến năm 2025, đầu tư cho khoa học và công nghệ đạt 1,2%-1,5% GRDP, trong đó đóng góp của xã hội cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ chiếm 60%-65%. Đến năm 2030, đầu tư cho khoa học và công nghệ phân đầu đạt 1,5%-2% GRDP, trong đó đóng góp của xã hội cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ chiếm 65%-70%.

c) Thực hiện đạt mục tiêu phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên theo Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 22/9/2021; phát triển

doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 25/5/2022; hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên theo Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 16/9/2021; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 30/6/2021; phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên theo Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Phân đầu đến năm 2030, hỗ trợ triển khai, áp dụng, cập nhật dữ liệu truy xuất nguồn gốc cho 100% sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng thiết yếu (được đóng gói sẵn) thuộc các lĩnh vực theo hướng dẫn của bộ, ngành chức năng đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về truy xuất nguồn gốc; dữ liệu truy xuất nguồn gốc được cập nhật lên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia theo quy định.

đ) Đến năm 2025, nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong khu vực nhà nước và ngoài khu vực nhà nước (quy đổi toàn thời gian) đạt 10 người/một vạn dân; đến năm 2030 đạt 12 người/một vạn dân, trong đó chú trọng phát triển nhân lực trong khu vực doanh nghiệp.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐMST ĐẾN NĂM 2030

1. Đổi mới cơ chế quản lý, hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST

a) Hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển tổ chức khoa học và công nghệ; phát triển nhân lực khoa học và công nghệ, huy động tài chính và quản lý tài chính; xây dựng cơ sở vật chất; thông tin khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế cho phát triển khoa học và công nghệ.

b) Hoàn thiện cơ chế quản lý và chính sách đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ; thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện môi trường phục vụ phát triển bền vững.

c) Đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý và chính sách đối với việc phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, khuyến khích phát triển start-up trên địa bàn tỉnh.

d) Đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách hướng tới phát triển thị trường khoa học và công nghệ gắn với thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, khai thác các sáng chế.

đ) Xây dựng, cụ thể hóa các chính sách về đào tạo nhân lực và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó tập trung đào tạo nâng cao trình độ cán bộ quản lý, lao động có trình độ ứng dụng được các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

e) Tăng cường mối quan hệ, hình thành các liên kết ngành dọc theo hướng chặt chẽ, đảm bảo tính đồng bộ ở các khâu, thông tin dự báo nhanh, chính xác đối với ngành hàng, sản phẩm thế mạnh của tỉnh (quốc tế, khu vực, trong nước).

g) Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch, chương trình khoa học và công nghệ cấp huyện nhằm thúc đẩy phát triển các hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật tại địa phương.

2. Phát triển tổ chức, tiềm lực khoa học, công nghệ và ĐMST

a) Phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng tăng cường năng lực ứng dụng, chuyển giao công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số; sắp xếp, tổ chức hợp lý các trung tâm, trạm trại, cơ sở trình diễn; đẩy mạnh việc khuyến khích phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc doanh nghiệp.

b) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm đẩy mạnh các hoạt động start-up, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số.

c) Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

d) Phát triển nhân lực khoa học và công nghệ theo hướng tạo nguồn nhân lực có đủ năng lực tiếp nhận, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số, năng lực đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh, thương hiệu của sản phẩm, hàng hóa; xây dựng mạng lưới nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia giỏi.

đ) Hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và ĐMST, các cơ sở vật chất của các trường đại học, cao đẳng phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST; các trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm trong các doanh nghiệp.

e) Tăng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và ĐMST; kết hợp các nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, khuyến công, khuyến nông,.. để đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST, đồng thời tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư hợp pháp khác (Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động khoa học, công nghệ và ĐMST).

g) Tập trung nguồn lực, huy động các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ tham gia thực hiện các chương trình, đề án Quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2030. Tăng dần nguồn kinh phí hàng năm cho sự nghiệp khoa học và công nghệ theo mục tiêu đề ra để có điều kiện thực hiện một số chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm, có tính chiến lược của tỉnh.

h) Tăng cường hợp tác trong nước (tổ chức khoa học công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học,...) và quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao công nghệ; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu (các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP,...) tham gia vào các Hiệp định EVFTA, FTA thế hệ mới, RCEP,...; đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

3. Đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ; nâng cao năng suất, chất lượng; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tổ chức các hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ thông qua việc tư vấn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký và hoàn thiện thủ tục đề nghị cấp văn bằng bảo hộ; xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm, hàng hóa của tỉnh; tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực, nâng hạng các sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc sản có thị trường tiêu thụ lớn trong nước, có khả năng xuất khẩu.

b) Đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn; các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch phục vụ phát triển bền vững, mang lại lợi ích kinh tế lớn.

c) Đổi mới mạnh mẽ công nghệ sản xuất các sản phẩm, dịch vụ của các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội theo hướng ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số, nâng cao khả năng cạnh tranh và uy tín sản phẩm chủ lực của tỉnh.

d) Thúc đẩy việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thị trường trong và ngoài nước; chú trọng việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các nông sản, thực phẩm chế biến; phát triển các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 4 đến 5 sao.

đ) Nâng cao hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, công nghệ số trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tiến tới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO điện tử gắn với chuyển đổi số. Hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia.

e) Đẩy mạnh xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

4. Định hướng khoa học, công nghệ và ĐMST phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực

4.1. Định hướng các nhiệm vụ phát triển khoa học xã hội và nhân văn

a) Nghiên cứu những vấn đề kinh tế - xã hội, tổng kết thực tiễn, phát hiện những tiềm năng, nguồn nhân lực và mô hình mới trong thực tiễn để tham mưu, tư vấn, cung cấp luận cứ khoa học, những vấn đề thực tiễn đặt ra, dự báo tình hình và xu hướng phát triển, làm cơ sở cho việc xây dựng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, hoạch định các chủ trương, chính sách để lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực.

b) Tiếp tục nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đổi mới, hoàn thiện và nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị của tỉnh trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển đổi mô hình kinh tế phát triển theo chiều sâu của tỉnh, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ và ĐMST, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; hoạt động khởi nghiệp trong cộng đồng.

c) Nghiên cứu, đề xuất các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, quản lý đô thị, phát triển bền vững; quốc phòng, an ninh của tỉnh.

4.2. Định hướng các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn

Để phát triển toàn diện, bền vững nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, gắn với bảo vệ môi trường, khoa học, công nghệ và ĐMST cần tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ sản xuất an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và công nghệ sau thu hoạch; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản gắn với áp dụng quy trình tiên tiến và bảo vệ môi trường:

a) Ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu về sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn theo hướng hữu cơ.

b) Nghiên cứu bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen các cây trồng, vật nuôi đặc sản của tỉnh, gắn với phát triển du lịch nông nghiệp.

c) Tiếp tục nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu bổ sung vào cơ cấu giống của tỉnh.

d) Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới (giống, phân bón, quy trình thâm canh tổng hợp, kiểm soát dịch bệnh, bảo quản, chế biến nông sản,...) vào sản xuất.

đ) Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng cơ giới hóa và tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành các công trình thủy lợi và phòng, chống bão, úng, lụt.

e) Thực hiện chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu. Phát triển nền nông nghiệp thông minh, có định hướng nhu cầu sử dụng sản phẩm; nông nghiệp thuận thiên, phù hợp với điều kiện tự nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

g) Nghiên cứu, gắn kết phát triển nông nghiệp hữu cơ, theo hướng hữu cơ với phát triển du lịch (sinh thái) trong chuỗi du lịch của tỉnh và vùng.

4.3. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành y, dược và chăm sóc sức khỏe nhân dân

a) Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong hoạt động khám, chữa bệnh; sản xuất thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguồn dược liệu địa phương kết hợp y học cổ truyền; tập trung ưu tiên hình thành một số chuyên khoa ứng dụng công nghệ cao trong khám chữa bệnh ở một số bệnh viện tuyến tỉnh.

b) Nghiên cứu kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền nhằm nâng cao khả năng khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân và phục vụ cho khách đi du lịch kết hợp chữa bệnh, nghỉ dưỡng tại tỉnh Hưng Yên.

c) Nghiên cứu mô hình bệnh tật trong tỉnh phục vụ việc xây dựng kế hoạch, chiến lược chăm sóc sức khỏe nhân dân, trong đó chú ý mô hình bệnh tật và các biện pháp phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm, lây nhiễm; các vấn đề sức khỏe cộng đồng.

d) Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý ngành y tế; tăng cường hoạt động chuyển đổi số trong ngành y tế; ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao để phát triển hiệu quả ngành dược của tỉnh.

đ) Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ y tế, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ tham gia nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong ngành y tế đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong tỉnh.

4.4. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải

a) Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, gắn với nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo trên cơ sở khai thác triệt để cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và lợi thế các Hiệp định thương mại tự do đem lại.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm; công nghiệp cơ khí, điện tử, tự động hóa, sản xuất vật liệu chất lượng cao (ưu tiên nghiên cứu sản xuất vật liệu xây dựng không nung); dệt may, thủ công mỹ nghệ và ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới công nghệ, đưa công nghệ cao, công nghệ tự động hóa, công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ thân thiện với môi trường phục vụ sản xuất và dịch vụ.

b) Ngành xây dựng

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới và cải tiến công nghệ, đầu tư các dây chuyền, máy móc hiện đại, tự động hóa để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong phát triển, sản xuất các vật liệu có tính năng mới như vật liệu không nung, kính, sơn, cát nhân tạo... lựa chọn công nghệ thích hợp cho thi công xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở lợi thế của Hưng Yên về vật liệu xây dựng.

- Tăng cường hoạt động của hệ thống phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm chuyên ngành nhằm kiểm soát chất lượng các công trình, sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, thiết bị thông minh, công nghệ kỹ thuật số trong thiết kế, giám sát và thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh, nhằm rút ngắn tiến độ, nâng cao chất lượng công trình, tiết kiệm chi phí xây dựng, linh hoạt trong các điều kiện khác nhau như thiên tai, dịch bệnh, khan hiếm lao động.

c) Ngành giao thông và vận tải

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ để tạo ra nguyên, vật liệu làm đường phục vụ cho phát triển giao thông nông thôn, giao thông trong các khu du lịch sinh thái, du lịch làng nghề nhằm đảm bảo đi lại thuận lợi cho khách du lịch và phục vụ đi lại cho giao thông nông thôn của người dân.

- Nâng cao năng lực tiếp nhận làm chủ, thích nghi và cải tiến công nghệ của các doanh nghiệp đóng, sửa chữa phương tiện giao thông, vận tải (ô tô, xe máy) đảm bảo an toàn cho du khách đến Hưng Yên và đi lại của nhân dân.

4.5. Định hướng nhiệm vụ phát triển ngành tài nguyên và môi trường

a) Nghiên cứu, dự báo đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu, hậu quả của các hiện tượng thời tiết cực đoan (lũ lụt, hạn hán, nhiệt độ bất thường...) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời xác định các giải pháp ứng phó có hiệu quả.

b) Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến phục vụ hoạt động quan trắc, thu thập, xử lý, quản lý các dữ liệu tài nguyên và môi trường; ngăn chặn và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xử lý rác thải, phụ phẩm trong nông nghiệp, ô nhiễm môi trường trong khu dân cư...

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuẩn hóa hệ thống thông tin về tài nguyên và môi trường, nhất là lĩnh vực đất đai. Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

4.6. Định hướng các nhiệm vụ phát triển du lịch

a) Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ việc phát triển ngành du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể ở tỉnh Hưng Yên; dịch vụ phục vụ du lịch tại tỉnh Hưng Yên; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến du lịch, xây dựng các chương trình phát triển du lịch gắn với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP.

b) Nghiên cứu, phát triển các giá trị cảnh quan thiên nhiên, vùng sinh thái và điều kiện tự nhiên đặc thù của tỉnh Hưng Yên (nước khoáng thiên nhiên,...; di tích lịch sử văn hóa; sinh thái; làng nghề,...); tổ chức khai thác phục vụ các hoạt động du lịch với các hình thức và sản phẩm du lịch khác nhau.

c) Nghiên cứu phát triển hệ thống sản phẩm du lịch của tỉnh phù hợp với phát triển thị trường du lịch Hưng Yên.

d) Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững các sản phẩm du lịch trong việc hài hòa giữa phát triển kinh tế và giảm thiểu xung đột vấn đề phát triển du lịch với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

4.7. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành khoa học và công nghệ

a) Về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ sinh học, khoa học - xã hội và nhân văn, y tế, giáo dục; nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; điều tra cơ bản, bảo vệ môi trường; bảo tồn, khai thác phát triển nguồn gen của tỉnh.

- Tích cực đề xuất đặt hàng đối với các nhiệm vụ Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí thực hiện nhằm huy động nguồn kinh phí từ Trung ương triển khai các đề tài, dự án quy mô lớn, có tính liên ngành, liên vùng phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phát triển về số lượng và chất lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, đề xuất điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật và phù hợp với thực tiễn của địa phương.

b) Về quản lý công nghệ và chuyên ngành

- Tham mưu thẩm định tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến; các phương pháp kỹ thuật mới, hiện đại; công nghệ cao, công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển, nhập công nghệ, thiết bị đạt trình độ tiên tiến trở lên trong khu vực phục vụ các ngành kinh tế kỹ thuật.

- Bảo đảm 100% cơ sở tiến hành công việc bức xạ trên địa bàn tỉnh được cấp giấy phép; đảm bảo an toàn và an ninh nguồn phóng xạ, không để xảy ra sự

cố bức xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân theo quy định.

- Hỗ trợ xây dựng và triển khai hệ thống quản lý sở hữu công nghiệp (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận,...)

- Xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, ưu tiên các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

c) Về quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về ứng dụng khoa học và công nghệ, đo lường, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, đổi mới hoạt động đo lường trong doanh nghiệp.

- Thực hiện kế hoạch về triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022- 2030.

d) Về thông tin, chuyển giao khoa học và công nghệ

- Phát triển nguồn lực thông tin khoa học và công nghệ đủ mạnh, phục vụ có hiệu quả nhu cầu thông tin cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hoạt động xúc tiến và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hướng trọng tâm là dịch vụ thông tin công nghệ phục vụ các doanh nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp trong hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kết nối các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp với các nguồn vốn đầu tư, chuyên gia, cố vấn,... từ đó góp phần thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện ứng dụng và chuyển giao, đổi mới công nghệ nhằm giúp các tổ chức, cá nhân ứng dụng các thành tựu nghiên cứu khoa học, các công nghệ mới phù hợp với thực tế sản xuất, đảm bảo an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu, phát triển bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Phát triển sàn giao dịch công nghệ để hỗ trợ chuyển giao công nghệ, giải pháp liên quan đến công nghệ, khai thác thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ phát triển của doanh nghiệp.

đ) Hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận hợp tác về khoa học, công nghệ và ĐMST với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đặc biệt là hợp tác giữa tỉnh và các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước.

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội hợp tác mới với các tổ chức quốc tế, các hiệp hội, tổ chức phi chính phủ, trường, viện, doanh nghiệp nước ngoài... nhằm củng cố, mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ hợp tác. Tích cực vận động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực khoa học, công nghệ và ĐMST trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kêu gọi hợp tác trong các lĩnh vực: khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ cao, đổi mới công nghệ, xử lý các sự cố ô nhiễm môi trường; công nghệ sinh học, công nghệ mới.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ

Triển khai đồng bộ và có hiệu quả các chương trình, kế hoạch khoa học và công nghệ bảo đảm đạt các mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST đến năm 2030. Tập trung cho các chương trình nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ theo ngành, lĩnh vực hoặc hỗn hợp giữa ngành khoa học và công nghệ với ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội. Tùy vào mục tiêu đặt ra cho các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội để xác định các nội dung khoa học và công nghệ cần triển khai trong ngành, lĩnh vực đó nhằm đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội đã đề ra trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh trong từng thời kỳ.

1.1. Chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong tạo giống mới các cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

b) Ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới (công nghệ cao, công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư) tạo phương pháp canh tác thông minh, cơ giới hóa, tự động hóa tưới tiêu, bón phân; sản xuất thức ăn chăn nuôi; chế biến và bảo quản nông sản.

c) Đẩy mạnh ứng dụng quy trình sản xuất sản phẩm nông nghiệp an toàn, theo hướng hữu cơ, theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP...; phát triển các hình thức sản xuất nông nghiệp tiên tiến (trang trại, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp công nghệ cao).

d) Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo trong việc tổ chức sản xuất hàng hóa, phát triển thương hiệu, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc và xúc tiến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong và ngoài nước.

đ) Ứng dụng, thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; phát triển nông nghiệp số, nông nghiệp sinh thái cảnh quan gắn với phát triển du lịch.

e) Triển khai việc hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng, bảo hộ sở hữu trí tuệ: Phát triển các hoạt động đăng ký nhãn hiệu; xây dựng các thương hiệu cho các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh; nghiên cứu,

ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ cho sản xuất các mặt hàng tại các làng nghề, các sản phẩm được chứng nhận OCOP.

1.2. Chương trình công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

a) Ứng dụng, đổi mới thiết bị công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để sản xuất các sản phẩm của ngành công nghiệp, nhất là các sản phẩm chủ lực: công nghiệp lắp ráp ô tô; cơ khí, điện - điện tử, tự động hóa; các ngành công nghiệp chế biến sâu và công nghiệp hỗ trợ trong chuỗi sản xuất...

b) Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến kết hợp với việc áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng và đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ nhằm phát triển sản phẩm hàng hóa mang thương hiệu là các địa danh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; tăng cường hoạt động hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, trọng tâm là việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích.

c) Khai thác, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để xây dựng phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số, start-up; tổ chức sản xuất sản phẩm có sức cạnh tranh cao trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

d) Cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong các lĩnh vực cơ khí, chế tạo, điện - điện tử, lắp ráp ô tô và các quy trình sản xuất tiên tiến.

đ) Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, hợp tác xã về năng suất và chất lượng; triển khai dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu tạo ra các công nghệ mới, ứng dụng công nghệ, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, tạo ra giá trị gia tăng cao, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

g) Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ.

h) Tổ chức tập huấn, đào tạo; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; chợ công nghệ và thiết bị..., nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ, tạo ra công nghệ mới, nâng cao giá trị gia tăng, năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và khả năng cạnh tranh.

1.3. Chương trình phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên, phòng chống và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm du lịch theo hướng kết hợp giữa du lịch tham quan với du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh, du lịch văn hóa - lịch sử

địa phương, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, làng nghề; gắn phát triển các sản phẩm nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ với phát triển du lịch.

b) Nghiên cứu thiết kế các tuyến, điểm du lịch kết nối với các tour du lịch trong vùng; các sản phẩm du lịch đặc thù để lưu giữ khách ở lâu tại Hưng Yên; ứng dụng công nghệ thông tin vào phát triển hệ thống định vị các tour tuyến, điểm du lịch và hỗ trợ du khách du lịch; hệ thống quản lý lưu trú; hệ thống phân tích số liệu và dự báo du lịch thông minh...

c) Nghiên cứu các vấn đề và giải pháp về bảo vệ môi trường trong các khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng...

d) Nghiên cứu các giải pháp phòng chống bão, lũ, sạt lở đất, các tuyến đê,... áp dụng cho địa phận tỉnh Hưng Yên.

đ) Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào hỗ trợ người dân tăng cường sinh kế, ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.4. Chương trình ứng dụng khoa học, công nghệ và ĐMST trong xây dựng, phát triển đô thị thông minh và giao thông vận tải

a) Xây dựng đô thị thông minh, xanh, sạch và hiện đại; thu hút đầu tư các khu đô thị kiểu mẫu, chú trọng phát triển hệ thống đô thị Hưng Yên bằng các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, các ứng dụng chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh.

b) Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị thông minh; giao thông thông minh.

1.5. Chương trình khoa học xã hội và nhân văn; y tế, giáo dục và đào tạo

a) Nghiên cứu cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn của chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phương hướng phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh; đề xuất các giải pháp quản lý, khai thác nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh; phát triển bền vững, hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

b) Nghiên cứu những yếu tố sinh thái, văn hóa, tập quán của từng địa phương, cộng đồng dân cư nhằm đề xuất những chính sách đặc thù cho xây dựng văn hóa, con người Hưng Yên; xây dựng mô hình nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với phát triển ngành nghề sản xuất hàng hóa và ứng dụng công nghệ cao (phát triển sản phẩm OCOP...).

c) Nghiên cứu các giải pháp khoa học về việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Nghiên cứu các vấn đề về sinh kế, an sinh xã hội gắn với phát triển bền vững, nông nghiệp tuần hoàn và du lịch xanh.

đ) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành y tế; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện các hệ thống quản lý thông tin bệnh viện nhằm hỗ trợ

nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giảm bớt thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian chờ đợi của người bệnh.

e) Nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong chẩn đoán, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân, cộng đồng dân cư.

g) Phát triển công nghiệp dược trên cơ sở khai thác các nguồn dược liệu tại chỗ; nghiên cứu, sản xuất thuốc chữa bệnh và thực phẩm bảo vệ sức khỏe; xây dựng vùng nguyên liệu dược có quy mô lớn. Nghiên cứu bảo tồn, khai thác, phát triển các nguồn gen quý hiếm của tỉnh phục vụ y học.

h) Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ trong dạy học và quản lý giáo dục. Triển khai nhân rộng việc ứng dụng các sáng kiến kinh nghiệm dạy học; nghiên cứu ứng dụng phổ biến việc giảng dạy STEM trong trường học.

i) Nghiên cứu các vấn đề về đào tạo nghề cho lao động vùng nông thôn, các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường, trung tâm đào tạo nghề cung cấp nhân lực thích hợp cho việc thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện môi trường.

1.6. Chương trình công nghệ cao, công nghệ sinh học

a) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào nhân nhanh các giống cây trồng sạch bệnh và có ưu thế về năng suất, chất lượng; tiếp cận các kỹ thuật áp dụng công nghệ tế bào trong sản xuất các giống vật nuôi, cây trồng, các loại vắc xin; ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất một số chế phẩm vi sinh bảo vệ cây trồng, cải tạo đất, cải thiện môi trường, sản xuất thức ăn chăn nuôi.

b) Nghiên cứu chuyển giao ứng dụng thành tựu công nghệ sinh học để chọn tạo, nhân nhanh một số giống cây dược liệu có năng suất và hàm lượng hoạt chất cao, chất lượng tốt, tạo nguồn nguyên liệu cho sản xuất thuốc; ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường; xử lý các nguồn chất thải gây ô nhiễm trong sản xuất, y tế và sinh hoạt; phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường.

c) Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn, lưu giữ và khai thác phát triển hợp lý các nguồn gen quý hiếm của tỉnh.

d) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý các chất thải sinh hoạt, chất thải khu, cụm công nghiệp và chất thải tại các khu chăn nuôi tập trung trên địa bàn tỉnh.

đ) Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học xử lý ô nhiễm môi trường ở các nhà máy chế biến nông sản; các khu du lịch tập trung đông người...

e) Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen có nguồn gốc bản địa quý hiếm, đặc hữu, có giá trị kinh tế, y học; phục tráng các giống cây trồng, vật nuôi bản địa.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh

a) Đề nghị các cấp ủy đảng chỉ đạo triển khai định hướng chiến lược phát triển Khoa học, công nghệ và ĐMST phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các ngành và địa phương bằng các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch cụ thể.

b) Các ngành, địa phương trong tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện định hướng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST, cụ thể hóa các nội dung phát triển cho ngành, địa phương mình được nêu trong định hướng chiến lược, xây dựng chỉ tiêu của ngành, địa phương để thực hiện đạt chỉ tiêu chung.

2.2. Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

a) Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của khoa học, công nghệ và ĐMST, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội nghiên cứu, quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về phát triển Khoa học, công nghệ và ĐMST nhằm tạo sự chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động; coi khoa học, công nghệ và ĐMST là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là quốc sách hàng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đầu tư. Phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, vì vậy trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và từng giai đoạn của các cấp, các ngành phải có kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST.

b) Tăng cường hệ thống thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ của tỉnh, cập nhật thông tin và phổ biến rộng rãi thông tin Khoa học, công nghệ và ĐMST đến đội ngũ cán bộ khoa học và đông đảo tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức đa dạng phong phú; động viên mọi tầng lớp nhân dân, nhất là đội ngũ trí thức tích cực tham gia vào các hoạt động khoa học và công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và ĐMST vào sản xuất và đời sống.

2.3. Đổi mới toàn diện hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

a) Về hệ thống quản lý

Củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả quản lý của các huyện, thị xã, thành phố, sở, ngành theo hướng xác định rõ nội dung, trách nhiệm và thẩm quyền quản lý; quan tâm từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách khoa học và công nghệ; hiện đại hóa, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ quản lý.

b) Về cơ chế quản lý

- Tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ

theo hướng hội nhập quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, xây dựng cơ sở để hình thành kinh tế tri thức của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế tăng cường sự tham gia, đóng góp của các doanh nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp nhu cầu cụ thể của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, điều chỉnh cơ cấu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các lĩnh vực trong việc xác định, thực hiện nhiệm vụ hằng năm và giai đoạn. Chú trọng đến cơ cấu các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, tập trung hỗ trợ các dự án cải tiến thiết bị, hoàn thiện, đổi mới công nghệ, nghiên cứu tạo ra công nghệ có tính tiên tiến để sản xuất ra sản phẩm mới hoặc nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch khoa học và công nghệ trọng điểm, có mục tiêu, đảm bảo tính liên ngành và tạo đột phá về việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng, tiếp thu đổi mới công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường.

c) Về cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ

- Đổi mới các cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với nghiên cứu, đào tạo; doanh nghiệp đóng vai trò là trung tâm ứng dụng và đổi mới công nghệ.

- Xây dựng các cơ chế nhằm khuyến khích, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, hỗ trợ ứng dụng kết quả vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

- Có các cơ chế động viên, tôn vinh tài năng trong hoạt động khoa học và công nghệ, khen thưởng kịp thời, xứng đáng những công trình được áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả cao.

- Tăng cường cơ chế đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với các tổ chức nghiên cứu mạnh, các nhà khoa học có uy tín.

2.4. Tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ

a) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ; tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút cán bộ có trình độ cao trong các lĩnh vực, nhất là cán bộ đầu ngành trong các lĩnh vực công nghệ cao như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa... Tổ chức cho lực lượng lao động trẻ đi đào tạo tại các cơ sở (trong và ngoài nước) có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao.

b) Thực hiện tốt việc đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tích cực đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt là nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới thiết bị, công nghệ để sản xuất sạch hơn và tạo ra sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao. Tăng cường hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị

cho các tổ chức khoa học và công nghệ để cán bộ có điều kiện phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.

2.5. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ

a) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, thúc đẩy, kích cầu thị trường khoa học và công nghệ

- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đối với các lĩnh vực sản xuất các sản phẩm trọng điểm, sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo nguyên tắc: Lộ trình đổi mới công nghệ là công cụ liên kết giữa sản phẩm, công nghệ và thị trường.

- Tổ chức đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho các kỹ sư, kỹ thuật viên. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về đổi mới công nghệ cho cán bộ quản lý doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác cơ sở dữ liệu thông tin về công nghệ; hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm về khoa học và công nghệ, tìm kiếm công nghệ mới.

- Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chương trình đổi mới công nghệ; chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh.

b) Hỗ trợ phát triển hàng hóa, thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ

- Hỗ trợ, khuyến khích hoạt động nghiên cứu chuyên giao, làm chủ, thích nghi công nghệ hiện đại nhập của nước ngoài để chuyển giao cho các doanh nghiệp trong nước. Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thị trường; tìm kiếm, mua công nghệ nguồn, công nghệ cao trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên.

- Tạo điều kiện cho các viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, trường đại học ở Trung ương và địa phương trình diễn, giới thiệu sản phẩm khoa học và công nghệ, công nghệ mới.

- Tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ trong nước và nước ngoài cho các sản phẩm mang tính đặc thù, sản phẩm đặc sản có thể mạnh của tỉnh nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Khuyến khích, hỗ trợ thương mại hóa các sáng chế và các đối tượng sở hữu công nghệ.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật ở mọi lĩnh vực, với sự tham gia của mọi đối tượng, đặc biệt là phong trào sáng tạo trong công nhân, nông dân, thanh thiếu niên. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia các giải thưởng về sở hữu trí tuệ, các cuộc thi sáng tạo trên địa bàn tỉnh và cả nước.

c) Đẩy mạnh xúc tiến, tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ

- Triển khai các cơ chế, chính sách, quy định của nhà nước, thể chế hóa các giao dịch trong thị trường khoa học và công nghệ. Tiếp tục triển khai cơ chế,

chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc xúc tiến, đẩy mạnh các chương trình hợp tác, hoạt động đối ngoại hướng tới mở rộng thị trường, hỗ trợ một phần kinh phí để các doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm về khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

- Tăng cường tổ chức, tham gia các chợ công nghệ thiết bị trong và ngoài tỉnh. Phát triển các hoạt động chợ, hội chợ, xúc tiến mua bán công nghệ, sản phẩm khoa học và công nghệ.

2.6. Hợp tác về khoa học và công nghệ

a) Xây dựng cơ chế liên kết và chính sách ưu đãi trong sử dụng, thu hút nhân tài từ các cơ quan khoa học và công nghệ ở Trung ương và các tỉnh, thành phố để phát triển hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh.

b) Đẩy mạnh hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ với các cơ quan khoa học ở Trung ương và nước ngoài với tỉnh để tiếp thu các tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

c) Cử cán bộ quản lý, cán bộ khoa học và công nghệ đi đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, học tập ở nước ngoài; tổ chức cho cán bộ khoa học và công nghệ, chủ doanh nghiệp và các hộ nông dân có trình độ đi tham quan, tìm hiểu công nghệ mới ở trong nước và một số nước trên thế giới để tiếp thu ứng dụng vào tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch này được bảo đảm từ các nguồn: ngân sách nhà nước; vốn của các tổ chức, doanh nghiệp; tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này thực hiện theo quy định Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, tổ chức có liên quan xây dựng, cụ thể hóa các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST; báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt và giao cho các tổ chức có liên quan thực hiện; theo dõi, đôn đốc thực hiện, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này; đề xuất việc điều chỉnh sửa đổi, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ xác định, cân đối ngân sách hằng năm chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới

sáng tạo, đảm bảo việc thực hiện mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST của tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ huy động các nguồn tài chính để đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan xây dựng các chính sách, chế độ đối với cán bộ khoa học và công nghệ; đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức khoa học và công nghệ.

5. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 để xây dựng Kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng của ngành, địa phương, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và trong từng giai đoạn. Định kỳ hằng năm tiến hành đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận: *nh*

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và ĐMST tỉnh Hưng Yên đến năm 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 196 /KH-UBND ngày 05 /12/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Đổi mới đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo			
1	Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, thay thế các quy định quản lý các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý II/2023
2	Tính toán, xác định trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp theo Thông tư số 17/2019/TT-BKH,CN ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất và đánh giá chỉ số tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý III/2023
3	Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đổi mới sáng tạo và thành lập doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
4	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia/tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn cơ sở; sử dụng mã số, mã vạch truy xuất nguồn gốc ...	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
II	Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
1	Hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Số hóa các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ có tiềm năng thương mại hóa giai đoạn 1997-2025 và giai đoạn 2026-2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan.	2021-2030
3	Đề án Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2023
III	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
1	Triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (iPEC)	Hàng năm
2	Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
3	Xây dựng danh mục các nhiệm vụ Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng năm./.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, các địa phương trong tỉnh	Hàng năm